TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 124/2026/DS-ST Ngày 26-5-2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Danh

Ông Nguyễn Minh Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hà –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ trụ sở chính: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà Thái Thị Hồng H – Phó giám đốc Trung tâm T nợ khách hàng cá nhân.

Người đại diện theo ủy quyền của của bà H: Ông Cao Sơn B – Cán bộ xử lý nợ và ông Lê Văn H1 – Trưởng bộ phận xử lý nợ. Địa chỉ liên hệ: Số F L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Dương Xuyên S, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp V, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Ông B có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 có nội dung như sau:

Ngày 22/3/2024, ông Dương Xuyên S có ký với Ngân hàng TMCP V1 (gọi tắt là V2) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ với hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp hạn mức khoản vay, ông Dương Xuyên S đã được ngân hàng giải ngân số tiền là 200.000.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng theo Hợp đồng cho vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S đã trả được số tiền gốc 976.204 đồng và tiền lãi 17.326.137 đồng, tổng cộng 18.302.341 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S vẫn không trả nợ đúng hạn, số nợ của ông S đã chuyển qua nợ quá hạn từ ngày 05/7/2024.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông S, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Dương Xuyên S trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 15/5/2025 là 283.376.809 đồng, trong đó nợ gốc là 199.023.921 đồng và nợ lãi là 84.352.888 đồng. Yêu cầu ông S phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/5/2026 cho đến khi trả hết số tiền nợ theo lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Dương Xuyên S trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Tại phiên hòa giải ngày 26/01/2026, ông S xác định: Ông có ký với V2 Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Tuy nhiên, ông chưa nhận được số tiền 200.000.000 đồng này. Ông cho rằng cháu của ông nhờ ông ký một số giấy tờ không rõ nội dung. Đến khi ngân hàng khởi kiện ra tòa thì ông mới biết sự việc này. Nay Ngân hàng khởi kiện ông đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền 394.741.246 đồng gồm cả gốc và lãi tính đến ngày 26/01/2026. Về thời gian trả nợ ông đề nghị đến ngày 07/02/2026 ông sẽ tất toán khoản nợ.

Sau đó đến ngày 27/01/2026, ông S có đơn yêu cầu không đồng ý với kết quả hòa giải ngày 26/01/2026, vì ông cho rằng ông không có nhận số tiền vay 199.023.796 đồng mà Ngân hàng đã giải ngân.

Tại phiên tòa,

Ông Cao Sơn B là người đại diện theo ủy quyền của V2 trình bày: V2 đề nghị xem xét buộc ông S trả số tiền nợ tính đến ngày 26/5/2026 tổng cộng là 405.405.343 đồng, trong đó nợ gốc 199.023.796 đồng, nợ lãi 251.381.547 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi kể từ ngày 27/5/2026 cho đến khi ông S trả hết nợ.

Bị đơn ông Dương Xuyên S vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đang cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Xét thấy bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án:

[3] Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp, có cơ sở xác định: Ông Dương Xuyên S có ký kết với V2 Hợp đồng tín dụng số LD2408200760 với hạn mức cho vay 200.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

[4] Thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 26/01/2026, ông S đồng ý trả nợ, sau đó ngày 27/01/2026 ông có văn bản thay đổi ý kiến vì cho rằng ông không có nhận số tiền vay nào từ V2. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ chứng từ giải ngân do V2 cung cấp cho thấy V2 đã giải ngân cho ông S số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 22/3/2024. Căn cứ sao kê giao dịch của V2, có cơ sở xác định tính đến ngày 26/5/2026, ông S chỉ thanh toán được số tiền 18.302.341 đồng, còn nợ 450.405.343 đồng (trong đó nợ gốc 199.023.796 đồng và nợ lãi 251.381.547 đồng). Từ khi ông S thay đổi ý kiến đến nay thì ông S vắng mặt và không đến tham gia hòa giải cũng như xét xử vụ án để trình bày cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh.

[5] Do đó có cơ sở xác định ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng ký kết với V2 nên V2 khởi kiện yêu cầu buộc ông S trả số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông S phải chịu 22.016.214 đồng án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho V2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 299, 323, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Dương Xuyên S.

Buộc ông Dương Xuyên S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền nợ tính đến ngày 26/5/2026 là 450.405.343 đồng, trong đó nợ gốc là 199.023.796 đồng và nợ lãi là 251.381.547 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì ông Dương Xuyên S còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Dương Xuyên S với Ngân hàng TMCP V1.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Dương Xuyên S phải chịu 22.016.214 đồng án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 7.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012664 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Công Danh – Nguyễn Minh Chí	**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Huệ - Phạm Hoàng Diễm Trang **Trần Tấn Quốc**

[3] Các đương sự thống nhất được các nội dung theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

[4] - Tài sản tranh chấp yêu cầu chia thừa kế và chia tài sản chung gồm:

[5] QSDĐ thửa 147, loại đất thổ, diện tích 913m^2 (đo đạc thực tế là 913m^2), tờ bản đồ số 3; thửa 1687, loại đất lúa, diện tích 2.085m^2 (đo đạc thực tế là 1.950m^2), tờ bản đồ số 2; đều tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Các tài sản khác gồm công trình xây dựng (nhà 1, mái che 3, hồ tròn di chuyển được, giếng nước), tài sản trong nhà đã qua sử dụng (chịn dài, ghế đai, bộ ghế salon, tủ thờ, chịn thờ, tủ tivi, tủ áo, đi-văng, tu nhỏ, giường, chịn tròn), xe máy đã qua sử dụng (xe Honda city) và cây trồng trên đất (mai vàng): Hiện do ông B1 đang quản lý sử dụng.

- Theo Mảnh trích đo địa chính số 853-2020 do Công ty TNHH Đ1 vẽ ngày 30/9/2020, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 05/10/2020 và bản vẽ phân khu ngày 06/4/2022 của Công ty TNHH Đ2 (đính kèm bản án này); Chứng thư thẩm định giá số Vc 20/12/04/TS-LA ngày 07/12/2020 của Công ty Cổ phần thông tin và Thẩm định giá miền N.